

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chủ đề: Vùng Đông Nam Bộ, ĐBSCL	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Tổng
			Thấp	cao	
Chủ đề 1 Vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ	Tiếp giáp của vùng	Ý nghĩa vị trí địa lí		Ý nghĩa vị trí địa lí	
Số câu	2	1		1	4
Số điểm	0,5	0,25		0,25	1
Tỉ lệ %	5%	2,5%		2,5%	10%
Chủ đề 2 Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên	Khí hậu, địa hình, đất, sông, khoáng sản, biển	Khó khăn về mặt tự nhiên cần phải khắc phục	Bảo vệ rừng	So sánh giữa 2 đồng bằng	
Số câu	4	3	1	1	9
Số điểm	1	0,75	0,25	0,25	2,25
Tỉ lệ %	10%	7,5%	2,5%	2,5	22,5%
Chủ đề 3: dân cư và lao động	Dân số	Các chỉ tiêu kinh tế- xã hội			
Số câu	2	2			4
Số điểm	0,5	0,5			1
Tỉ lệ %	5%	5%			10%
Chủ đề 4: Kinh tế	ngành nông, công nghiệp và dịch vụ	Nhận xét về cơ cấu kinh tế	khai thác lãnh thổ theo chiều sâu		
Số câu	5	10	1		16
Số điểm	3	2,5	0,25		5,75
Tỉ lệ %	30%	25%	2,5%		30%

Tổng số câu	13	16	4	33
Tổng số điểm	5	4	1	10
Tỉ lệ %	50%	40%	10%	100%

ĐỀ 001

Câu 1: Các tỉnh, thành phố nào của Đông Nam Bộ tiếp giáp Cam-pu-chia?

- A. Bình Dương, Bình Phước. B. TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu.
C. Tây Ninh, Bình Phước. D. Đồng Nai, Bình Dương.

Câu 2: Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. đất xám và đất phù sa. B. đất badan và đất feralit.
C. đất phù sa và đất feralit. D. đất badan và đất xám trên phù sa cổ.

Câu 3 : Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là

- A. chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (Thành phố Hồ Chí Minh và Bà Rịa – Vũng Tàu).
B. đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường.
C. ít khoáng sản, rừng và tầng nguy cơ ô nhiễm môi trường.
D. tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

Câu 4 : Đặc điểm không đúng với vùng Đông Nam Bộ là

- A. dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao.
B. thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức cao.
C. lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
D. có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

Câu 5: Tỷ lệ dân số thành thị ở Đông Nam Bộ đã vượt quá mức bao nhiêu %?

- A. 50 %. B. 40 %. C. 30 %. D. 10 %.

Câu 6 : Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là khu vực nào?

- A. Nông, lâm, ngư nghiệp. B. Dịch vụ.
C. Công nghiệp xây dựng. D. Khai thác dầu khí.

Câu 7: Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là

- A. dệt – may, da- giày, gốm sứ.
B. dầu khí, phân bón, năng lượng.
C. chế biến lương thực- thực phẩm, cơ khí.
D. dầu khí, điện tử, công nghệ cao.

Câu 8: Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. chè. B. cà phê. C. cao su. D. hồ tiêu.

Câu 9: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở Đông Nam Bộ là

- A. thủy lợi. B. phân bón.
C. bảo vệ rừng đầu nguồn. D. phòng chống sâu bệnh.

Câu 10: Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là

- A. Vũng Tàu. B. TP Hồ Chí Minh. C. Đà Lạt. D. Nha Trang.

Câu 11: Tỷ lệ dầu thô khai thác ở Đông Nam Bộ so với cả nước chiếm bao nhiêu % ?

- A. 30 %. B. 45 %. C. 90 %. D. 100 %.

Câu 12: Đông Nam Bộ không phát triển mạnh các ngành kinh tế nào ?

- A. Trồng lúa. B. Giao thông.
C. Dịch vụ, du lịch biển. D. Vận tải biển.

Câu 13: Một vấn đề bức xúc nhất hiện nay ở Đông Nam Bộ là

- A. nghèo tài nguyên. C. thu nhập thấp.
B. dân đông. D. ô nhiễm môi trường.

Câu 14: Trong các tiêu chí phát triển, tiêu chí nào Đông Nam Bộ thấp hơn cả nước?

- A. Mật độ dân số. B. Tỷ lệ dân thành thị.
C. Thu nhập bình quân đầu người. D. Tỷ lệ thất nghiệp.

Câu 15: Trong cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ, ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất là

- A. nông nghiệp. B. công nghiệp, xây dựng.
C. dịch vụ. D. thương nghiệp.

Câu 16: Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng Sông Cửu Long là

- A. đất, rừng. B. khí hậu, nước.
C. biển và hải đảo. D. tài nguyên khoáng sản.

Câu 17: Loại hình dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất vùng Đông Nam Bộ và cả nước là

- A. giao thông, vận tải. B. bưu chính, viễn thông.
C. xuất nhập khẩu. D. du lịch.

Câu 18: Vì sao Đồng bằng sông Cửu Long có thể mạnh về nuôi trồng và đánh bắt thủy sản?

- A. Biển rộng, ấm quanh năm, nhiều bãi cá, bãi tôm.
B. Vùng rừng ven biển là nguồn cung cấp giống tự nhiên.
C. Sông Mê Công rất nhiều cá vào mùa lũ.
D. Nguồn thức ăn dồi dào.

Câu 19: Những ngành công nghiệp nào của vùng Đồng bằng sông Cửu Long sử dụng tài nguyên có sẵn?

- A. Luyện kim, cơ khí. B. Hàng may mặc.
C. Chế biến lương thực, thực phẩm. B. Công nghệ cao.

Câu 20: Những ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động là

A. dệt may. B. điện. C. hoá chất. D. khai thác dầu.

Câu 21: Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích khoảng

A. 20000 km². B. 30000 km². C. 40000 km². D. 50000 km².

Câu 22: Nhóm đất có diện tích lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. đất phèn. B. đất mặn. C. đất phù sa ngọt. D. đất cát ven biển.

Câu 23: Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. xâm nhập mặn. B. cháy rừng. C. triều cường. D. thiếu nước ngọt.

Câu 24: Để hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay là

A. xây dựng hệ thống đê điều. B. chủ động chung sống với lũ.
C. tăng cường công tác dự báo lũ. D. đầu tư cho các dự án thoát nước.

Câu 25: Các dân tộc ít người sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. Tày, Nùng, Thái. B. Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.
C. Khơ me, Chăm, Hoa. D. Giáy, Dao, Mông.

Câu 26: Đồng bằng sông Cửu Long là

A. vùng trọng điểm cây công nghiệp lớn nhất cả nước.
B. vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước.
C. vùng trọng điểm chăn nuôi gia súc lớn nhất cả nước.
D. vùng trọng điểm cây thực phẩm lớn nhất cả nước.

Câu 27: So với các vùng khác, đặc điểm không phải của Đồng bằng sông Cửu Long là

A. năng suất lúa cao nhất cả nước.
B. diện tích và sản lượng lúa cả năm cao nhất cả nước.
C. bình quân lương thực theo đầu người cao nhất cả nước.
D. là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước.

Câu 28: Trong cơ cấu giá trị sản xuất công nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long, chiếm tỉ trọng lớn nhất là ngành

A. sản xuất vật liệu xây dựng.
B. sản xuất hàng tiêu dùng.
C. công nghiệp cơ khí.
D. công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm.

Câu 29: Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

A. gạo, xi măng, vật liệu xây dựng.
B. gạo, hàng may mặc, nông sản.
C. gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả.
D. gạo, hàng tiêu dùng, hàng thủ công.

Câu 30: Trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. Thành phố Cần Thơ. B. Thành phố Cà Mau.
C. Thành phố Mỹ Tho. D. Thành phố Cao Lãnh.

Câu 31: Đặc điểm nổi bật về vị trí của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. toàn bộ diện tích là đồng bằng. B. hai mặt giáp biển.
C. nằm ở cực Nam tổ quốc. D. đồng bằng rộng lớn nhất cả nước.

Câu 32: Những điều kiện để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đất, rừng. B. khí hậu, nước.
C. biển và hải đảo. D. đất, rừng, khí hậu, nước.

Câu 33: Đồng bằng sông Cửu Long không có thế mạnh gì về phát triển ngành thủy hải sản?

- A. Điều kiện tự nhiên. B. Nguồn lao động.
C. Thị trường. D. Ô nhiễm môi trường .

Câu 34: Loại thủy sản nuôi trồng có giá trị xuất khẩu lớn nhất của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. cua. B. tôm thẻ chân trắng. C. cá ba sa D. tôm sú.

Câu 35: Trong tổng sản lượng thủy hải sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, dẫn đầu là

- A. cá nuôi. B. cá khai thác. C. tôm nuôi. D. cua nuôi.

Câu 36: Bên cạnh là vựa lúa số 1 của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh

- A. nghề rừng. B. giao thông. C. du lịch. D. thủy hải sản.

Câu 37: Nói Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa số 1 của cả nước vì chiếm

- A. hơn 50% diện tích canh tác. B. hơn 50% sản lượng.
C. hơn 50% diện tích và sản lượng. D. nhiều điều kiện thuận lợi.

Câu 38: Ngành công nghiệp có điều kiện phát triển nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. sản xuất hàng tiêu dùng. B. dệt may.
C. chế biến lương thực thực phẩm. D. cơ khí.

Câu 39: Loại hình giao thông vận tải phát triển nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đường sông. B. đường sắt. C. đường bộ D. đường biển.

Câu 40: Có một loại hình dịch vụ khó tìm thấy ở các vùng khác ngoài Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. chợ đêm. B. chợ gỗ. C. chợ nổi. D. chợ phiên.

ĐỀ 002

Câu 1: Trong tổng sản lượng thủy hải sản của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, dẫn đầu là

- A. cá nuôi. B. cá khai thác. C. tôm nuôi. D. cua nuôi.

Câu 2: Bên cạnh là vựa lúa số 1 của cả nước, Đồng bằng sông Cửu Long còn phát triển mạnh

- A. nghề rừng. B. giao thông. C. du lịch. D. thủy hải sản.

Câu 3: Nói Đồng bằng sông Cửu Long là vựa lúa số 1 của cả nước vì chiếm

- A. hơn 50% diện tích canh tác. B. hơn 50% sản lượng.
C. hơn 50% diện tích và sản lượng. D. nhiều điều kiện thuận lợi.

Câu 4: Ngành công nghiệp có điều kiện phát triển nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. sản xuất hàng tiêu dùng. B. dệt may.
C. chế biến lương thực thực phẩm. D. cơ khí.

Câu 5: Loại hình giao thông vận tải phát triển nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đường sông. B. đường sắt. C. đường bộ. D. đường biển.

Câu 6: Có một loại hình dịch vụ khó tìm thấy ở các vùng khác ngoài Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. chợ đêm. B. chợ gỗ. C. chợ nổi. D. chợ phiên.

Câu 7: Nhận định nào sau đây không đúng với Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Năng suất lúa cao nhất cả nước.
B. Diện tích đồng bằng lớn nhất cả nước.
C. Sản xuất lúa gạo nhiều nhất cả nước.
D. Xuất khẩu nông sản nhiều nhất cả nước.

Câu 8: Các dân tộc ít người sinh sống ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. Tày, Nùng, Thái. B. Gia Rai, Ê Đê, Ba Na.
C. Khơ me, Chăm, Hoa. D. Giáy, Dao, Mông.

Câu 9: Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. vùng trọng điểm cây công nghiệp lớn nhất cả nước.
B. vùng trọng điểm lúa lớn nhất cả nước.
C. vùng trọng điểm chăn nuôi gia súc lớn nhất cả nước.
D. vùng trọng điểm cây thực phẩm lớn nhất cả nước.

Câu 10: So với các vùng khác, đặc điểm không phải của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. năng suất lúa cao nhất cả nước.
- B. diện tích và sản lượng lúa cả năm cao nhất cả nước.
- C. bình quân lương thực theo đầu người cao nhất cả nước.
- D. là vùng trồng cây ăn quả lớn nhất cả nước.

Câu 11: Hàng xuất khẩu chủ lực của vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. gạo, xi măng, vật liệu xây dựng.
- B. gạo, hàng may mặc, nông sản.
- C. gạo, thủy sản đông lạnh, hoa quả.
- D. gạo, hàng tiêu dùng, hàng thủ công.

Câu 12: Trung tâm kinh tế lớn nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. Thành phố Cần Thơ.
- B. Thành phố Cà Mau.
- C. Thành phố Mỹ Tho.
- D. Thành phố Cao Lãnh.

Câu 13: Đặc điểm nổi bật về vị trí của Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. toàn bộ diện tích là đồng bằng.
- B. hai mặt giáp biển.
- C. nằm ở cực Nam tổ quốc.
- D. đồng bằng rộng lớn nhất cả nước.

Câu 14: Loại hình giao thông vận tải kém phát triển nhất vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đường sông.
- B. đường sắt.
- C. đường bộ.
- D. đường biển.

Câu 15: Các tỉnh, thành phố nào của Đông Nam Bộ tiếp giáp Cam – pu – chia?

- A. Bình Dương, Bình Phước.
- B. TP Hồ Chí Minh, Bà Rịa – Vũng Tàu.
- C. Tây Ninh, Bình Phước.
- D. Đồng Nai, Bình Dương.

Câu 16: Hai loại đất chiếm diện tích lớn nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. đất xám và đất phù sa.
- B. đất badan và đất feralit.
- C. đất phù sa và đất feralit.
- D. đất badan và đất xám trên phù sa cổ.

Câu 17: Khó khăn của Đông Nam Bộ đối với phát triển kinh tế là

- A. chỉ có hai tỉnh và thành phố giáp biển (TP HCM và Bà Rịa – Vũng Tàu).
- B. đất đai kém màu mỡ, thời tiết thất thường.
- C. ít khoáng sản, rừng và tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường.
- D. tài nguyên sinh vật hạn chế và có nguy cơ suy thoái.

Câu 18: Đặc điểm không đúng với vùng Đông Nam Bộ là

- A. dân cư đông đúc, mật độ dân số khá cao.
- B. thị trường tiêu thụ hạn chế do đời sống nhân dân ở mức cao.
- C. lực lượng lao động dồi dào, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- D. có sức hút mạnh mẽ với lao động cả nước.

Câu 19: Tỷ lệ dân số thành thị ở Đông Nam Bộ đã vượt quá mức

- A. 50 %.
- B. 40 %.
- C. 30 %.
- D. 10 %.

Câu 20: Trong cơ cấu GDP của Đông Nam Bộ, chiếm tỉ trọng lớn nhất là khu vực

- A. nông, lâm, ngư nghiệp.
- B. dịch vụ.
- C. công nghiệp xây dựng.
- D. khai thác dầu khí.

Câu 21: Các ngành công nghiệp hiện đại đã hình thành và phát triển ở Đông Nam Bộ là

- A. dệt – may, da- giày, gốm sứ .
- B. dầu khí, phân bón, năng lượng.
- C. chế biến lương thực- thực phẩm, cơ khí.
- D. dầu khí, điện tử, công nghệ cao.

Câu 22: Cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đông Nam Bộ là

- A. chè.
- B. cà phê.
- C. cao su.
- D. hồ tiêu.

Câu 23: Vấn đề quan trọng hàng đầu trong việc đẩy mạnh thâm canh cây trồng ở Đông Nam Bộ là

- A. thủy lợi.
- B. phân bón.
- C. bảo vệ rừng đầu nguồn.
- D. phòng chống sâu bệnh.

Câu 24: Trung tâm du lịch lớn nhất của Đông Nam Bộ và cả nước là

- A. Vũng Tàu.
- B. TP Hồ Chí Minh.
- C. Đà Lạt.
- D. Nha Trang.

Câu 25: Tỉ lệ dầu thô khai thác ở Đông Nam Bộ so với cả nước chiếm

- A. 30 %.
- B. 45 %.
- C. 90 %.
- D. 100 %.

Câu 26: Biểu hiện của biến đổi khí hậu thể hiện rõ nhất ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. nhiệt độ trung bình năm đã giảm.
- B. xâm nhập mặn vào sâu trong đất liền.
- C. mùa khô không rõ rệt.
- D. nguồn nước ngầm hạ thấp hơn.

Câu 27: Một vấn đề bức xúc nhất hiện nay ở Đông Nam Bộ là

- A. nghèo tài nguyên.
- B. dân đông.
- C. thu nhập thấp.
- D. ô nhiễm môi trường.

Câu 28: Trong các tiêu chí phát triển, tiêu chí nào Đông Nam Bộ thấp hơn cả nước?

- A. Mật độ dân số.
- B. Tỉ lệ dân dân thành thị.
- C. Thu nhập bình quân đầu người.
- D. Tỉ lệ thất nghiệp.

Câu 29: Trong cơ cấu kinh tế của vùng Đông Nam Bộ, ngành chiếm tỉ trọng lớn nhất là

- A. nông nghiệp.
- B. công nghiệp, xây dựng.
- C. dịch vụ.
- D. giao thông vận tải.

Câu 30: Loại cây công nghiệp lâu năm được trồng nhiều nhất ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. lúa gạo.
- B. dừa.
- C. điều.
- D. đay.

Câu 31: Loại hình dịch vụ chiếm tỉ trọng cao nhất vùng Đông Nam Bộ và cả nước là

- A. giao thông, vận tải.
- B. bưu chính, viễn thông.
- C. xuất nhập khẩu.
- D. du lịch.

Câu 32: Đồng bằng sông Cửu Long được tạo nên bởi phù sa của sông nào?

- A. Sông Đồng Nai.
- B. Sông Mê Công.
- C. Sông Thái Bình.
- D. Sông Hồng.

Câu 33: Những ngành công nghiệp nào sử dụng tài nguyên có sẵn?

- A. Luyện kim, cơ khí.
- B. Hàng may mặc.
- C. Chế biến lương thực, thực phẩm.
- D. Công nghệ cao.

Câu 34: Những ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động là

- A. dệt may.
- B. điện.
- C. hoá chất.
- D. khai thác dầu.

Câu 35: Là đồng bằng châu thổ lớn nhất nước ta, Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích khoảng

- A. 20000 km².
- B. 30000 km².
- C. 40000 km².
- D. 50000 km².

Câu 36: Vấn đề quan trọng hàng đầu vào mùa khô ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. nước ngọt.
- B. phân bón.
- C. bảo vệ rừng ngập mặn.
- D. cải tạo giống.

Câu 37: Vào mùa khô, khó khăn lớn nhất đối với nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. xâm nhập mặn.
- B. cháy rừng.
- C. triều cường.
- D. bão lũ.

Câu 38: Để hạn chế tác hại của lũ, phương hướng chủ yếu hiện nay là

- A. xây dựng hệ thống đê điều.
- B. chủ động chung sống với lũ.
- C. tăng cường công tác dự báo lũ.
- D. đầu tư cho các dự án thoát nước.

Câu 39: Điều kiện không phải để phát triển nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. đất, rừng.
- B. khí hậu, nước.
- C. biển và hải đảo.
- D. tài nguyên khoáng sản.

Câu 40: Vì sao Đồng bằng sông Cửu Long có thể mạnh về nuôi trồng và đánh bắt thủy sản?

- A. Biển rộng, ấm quanh năm, nhiều bãi cá, bãi tôm.
- B. Vùng rừng ven biển là nguồn cung cấp giống tự nhiên.
- C. Sông Mê Công rất nhiều cá vào mùa lũ.
- D. Nguồn thức ăn dồi dào.

Mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm

Câu	Đáp án đề 001	Đáp án đề 002
1	C	B
2	D	D
3	C	C
4	B	C
5	A	A
6	C	C
7	D	A
8	C	C
9	A	B
10	B	A
11	D	C
12	A	A
13	D	C
14	D	C
15	B	C
16	D	D
17	C	C
18	A	B
19	C	A
20	A	C
21	C	D
22	A	C
23	D	A
24	B	B
25	C	D
26	B	B
27	A	D
28	D	D
29	C	B
30	A	B
31	C	C
32	D	B
33	D	C
34	D	A
35	B	C
36	D	A
37	C	A
38	C	B
39	A	D
40	C	A

BGH

TT(NT)

GV

Đỗ Thị Nhật

Vũ Thị Quỳnh Trang

Phạm Thị Hằng Nga

